

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên
giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Sau khi nghe Báo cáo số 112/BC-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015 tại Báo cáo số 112/BC-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Thông qua mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020, với nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN, CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Thái Nguyên trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, là trung tâm của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc về phát triển công nghiệp, dịch vụ, nhất là dịch vụ giáo dục - đào tạo; cơ cấu kinh tế phù hợp, tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao. Là khu vực phòng thủ vững chắc, địa bàn trọng yếu góp phần giữ vững quốc phòng - an ninh cho vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.

2. Nhiệm vụ

Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để thu hút đầu tư, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tập trung nâng cao năng lực đào tạo nghề của mạng lưới đào tạo nghề trên địa bàn và chất lượng giáo dục đào tạo ở tất cả các cấp học, ngành học; tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo và lao động có tay nghề cao.

Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, các khu cụm công nghiệp, hạ tầng viễn thông.

Đẩy mạnh phát triển và chuyển giao công nghệ; khuyến khích phát triển công nghệ cao trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và quản lý hành chính.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế đối ngoại và hội nhập quốc tế, nhằm phát huy được các nguồn lực của địa phương, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội; ngăn chặn đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng.

Sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường công tác bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động phòng tránh và hạn chế tác động biến đổi khí hậu.

3. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu

- 1- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) phấn đấu tăng bình quân hàng năm 10%.
- 2- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020 (theo giá thực tế): Công nghiệp - Xây dựng: 52-53%, khu vực dịch vụ: 36-37%; khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản: 11-12%.
- 3- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 15%/năm.
- 4- Giá trị nông lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 4%/năm.
- 5- Giá trị xuất khẩu trên địa bàn tăng bình quân 8-9 %/năm.
- 6- Thu ngân sách nhà nước trong cân đối (*không bao gồm thu tiền sử dụng đất và loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách*) bình quân tăng 18%/năm. Riêng năm 2016 tăng 15% so với thực hiện năm 2015.
- 7- GRDP bình quân đầu người đến năm 2020 đạt khoảng 86 triệu đồng (tương đương 3.300 USD).
- 8- Đến năm 2020 Thái Nguyên đạt tiêu chí tỉnh nông thôn mới (có 80% trở lên số đơn vị cấp huyện trong tỉnh đạt nông thôn mới).
- 9- Cùng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục các bậc học; phấn đấu đến năm 2020 có 80% số trường đạt chuẩn quốc gia; có trên 8% học sinh dân tộc thiểu số được học tại các trường dân tộc nội trú.
- 10- Đến năm 2020 có trên 90% hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá; 70% xóm, bản, tổ dân phố đạt chuẩn văn hoá; trên 90% cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu văn hoá.

11- Đến năm 2020 có 80% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (theo tiêu chí mới), giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn dưới 10%; số giường bệnh/vạn dân đạt 44 - 45 giường.

12- Số người lao động có việc làm tăng thêm bình quân hàng năm 15.000 người, trong đó xuất khẩu lao động 1.000 người. Đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%, trong đó qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 26-28%.

13- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm đạt 1,8% trở lên.

14- Đến năm 2020, tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 50%; có 95% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; trên 80% khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 95% rác thải sinh hoạt, rác thải y tế được xử lý, 60% nước thải sinh hoạt được xử lý đạt tiêu chuẩn B.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Trên cơ sở quy hoạch và tiêu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ, công chức, thực hiện đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu về cải cách hành chính, hội nhập kinh tế quốc tế.

Xây dựng cơ chế chính sách thu hút nhân tài, các chuyên gia giỏi, lao động có trình độ cao vào những lĩnh vực mà tỉnh đang ưu tiên phát triển.

Ưu tiên đầu tư cho giáo dục đào tạo, hoàn thiện hệ thống các cơ sở giáo dục và dạy nghề từ tỉnh đến huyện để đáp ứng yêu cầu về nguồn lao động cho phát triển của địa phương.

Thực hiện mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo để thực hiện đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, nhà nước. Thực hiện hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo cho các đối tượng chính sách, hỗ trợ cho nông dân chuyển đổi nghề nghiệp. Đào tạo đội ngũ quản lý trong doanh nghiệp, thông qua các chương trình hỗ trợ đào tạo của Chính phủ và các chương trình hỗ trợ khác của Nhà nước.

2. Giải pháp về vốn đầu tư

Tích cực huy động các nguồn vốn, tập trung huy động các nguồn vốn sau: Ngân sách nhà nước, vốn của các doanh nghiệp, vốn trong dân cư, vốn FDI, vốn tín dụng... phấn đấu đạt 127.700 tỷ đồng nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư cho cả giai đoạn.

Quản lý và sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước, tăng chi cho đầu tư phát triển, khai thác nguồn vốn từ quỹ đất để mở rộng và phát triển hạ tầng đô thị.

Đề xuất Trung ương đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng lớn có tác động liên vùng thuộc các lĩnh vực giao thông, điện lưới, thủy lợi, hạ tầng đô thị, y tế, giáo dục từ các nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương, đầu tư qua các Bộ, Ngành Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ.

Xây dựng các dự án có tính khả thi về hiệu quả kinh tế - xã hội để đề xuất, vận động vốn ODA và các nguồn vốn viện trợ khác.

Xây dựng cơ chế khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho các dự án PPP.

Thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, có cơ chế chính sách phù hợp để khuyến khích các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập doanh nghiệp mới, tạo môi trường cho người dân đầu tư vốn vào sản xuất.

3. Phát triển khoa học và công nghệ

Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, sử dụng công nghệ nhiều tầng, ưu tiên công nghệ hiện đại, kết hợp với công nghệ truyền thống phù hợp với trình độ sản xuất của tỉnh.

Đầu tư hợp lý trang thiết bị phục vụ công tác quản lý khoa học công nghệ, đáp ứng kịp thời các nghiên cứu triển khai và điều tra cơ bản. Đổi mới chính sách cán bộ đối với đội ngũ lao động khoa học công nghệ trên cơ sở tạo môi trường hoạt động khoa học công nghệ.

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học công nghệ, trong đó ưu tiên hỗ trợ các dự án áp dụng công nghệ mới, chuyển giao công nghệ, áp dụng các công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

4. Chính sách phát triển ngành, lĩnh vực ưu tiên

Rà soát, bổ sung các quy hoạch ngành, lĩnh vực còn thiếu hoặc cần điều chỉnh, bổ sung để làm rõ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển cụ thể của từng ngành, lĩnh vực.

Lựa chọn một số ngành, sản phẩm mang tính đột phá phù hợp với khả năng của tỉnh để tập trung nguồn lực đầu tư, quan tâm phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển ngành dịch vụ để đáp ứng nhu cầu cho sản xuất và tiêu dùng xã hội; tạo điều kiện thuận lợi để huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực.

Trong lĩnh vực đầu tư công, ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, đặc biệt là giao thông đến các vùng kinh tế trọng điểm, nối liền các cụm, khu công nghiệp với các tuyến giao thông huyết mạch; đầu tư hạ tầng các khu cụm công nghiệp để tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư; đầu tư hạ tầng cho nông nghiệp áp dụng công nghệ cao; quan tâm đầu tư phát triển y tế, giáo dục, đào tạo đáp ứng yêu cầu tạo nguồn nhân lực giai đoạn 2016 - 2020 và các năm tiếp theo. Xây dựng tiêu chí phân bổ vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 và các danh mục ưu tiên đầu tư để bảo đảm cân đối huy động nguồn vốn thực hiện, đồng thời bảo đảm tính công khai, minh bạch trong việc phân bổ nguồn lực cho các ngành, lĩnh vực.

Thực hiện đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, dự án, công trình trọng điểm giai đoạn 2011 - 2015, đồng thời đề xuất xây dựng các chương trình,

đề án, công trình trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 theo hướng gắn với ngành, lĩnh vực ưu tiên đầu tư để thực hiện có trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả, bảo đảm tính khả thi.

5. Chính sách về quảng bá, xúc tiến đầu tư và công tác đối ngoại

Xây dựng đề án xúc tiến đầu tư theo hướng quảng bá hình ảnh, tiềm năng thế mạnh của tỉnh ra ngoài tỉnh, nước ngoài; xây dựng hình ảnh Thái Nguyên là địa phương năng động, có nhiều lợi thế so sánh, môi trường đầu tư, kinh doanh thuận tiện, tạo lợi thế khác biệt, môi trường thân thiện giữa chính quyền, người dân, xã hội với doanh nghiệp, doanh nhân.

Bổ sung, sửa đổi cơ chế chính sách về thu hút đầu tư bảo đảm tính công khai, minh bạch; cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư có nhu cầu và đủ năng lực tài chính có thể tiếp cận, triển khai thực hiện các dự án nhanh và thuận tiện nhất, giảm chi phí gia nhập thị trường, đồng thời có chế tài xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức lợi dụng cơ chế ưu đãi của tỉnh để trục lợi.

Thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác đối ngoại; xây dựng kế hoạch cụ thể để hợp tác với các đơn vị, địa phương, tổ chức nước ngoài nhằm góp phần nâng cao vị thế của tỉnh và chất lượng hội nhập Quốc tế.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng

Phát triển hạ tầng đồng bộ, phải gắn kết với hình thành và phát triển các khu cụm công nghiệp, khu đô thị, bảo đảm sử dụng có hiệu quả đất đai. Kêu gọi các nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp để tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư; khuyến khích các chủ đầu tư ứng trước tiền thuê đất để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện kết cấu hạ tầng đồng bộ tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Bảo đảm lợi ích hài hòa giữa nhà nước với người dân; Nhà nước với nhà đầu tư khi thực hiện các chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng để đầu tư các công trình công cộng, khu đô thị, khu, cụm công nghiệp.

Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đặc biệt là giao thông đến các vùng kinh tế trọng điểm, có tác động kết nối liên vùng, nối liền các cụm, khu công nghiệp với các tuyến đường giao thông huyết mạch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương; quan tâm đầu tư hạ tầng cho nông nghiệp công nghệ cao; phát triển hạ tầng y tế, giáo dục đào tạo. Phát triển đồng bộ thị trường.

7. Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

Tăng cường cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, trong đó quan tâm cải cách chế độ công vụ, công chức, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm quản lý, thực hiện nhiệm vụ công của bộ máy nhà nước, công chức, viên chức, trong đó tập trung cải cách thể chế; rà soát, đổi mới các quy định phù hợp với các luật mới ban hành; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của nền hành chính hiện đại và chuyên nghiệp.

Tiếp tục tập trung nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để thu hút đầu tư; nâng cao chỉ số quản trị công cấp tỉnh, chỉ số cải cách hành chính.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức; cải cách quy trình thủ tục về tuyển dụng, thi tuyển công chức bảo đảm công khai, minh bạch; đánh giá công chức theo kết quả công việc.

8. Tăng cường quốc phòng an ninh

Tập trung củng cố quốc phòng và an ninh, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng và an ninh với phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh công tác giáo dục quốc phòng, nâng cao ý thức cảnh giác, nắm vững tình hình, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra; củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc.

Đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và đảm bảo trật tự an toàn giao thông, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân.

Điều 3. Tổ chức thực hiện


1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XII, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 26 tháng 8 năm 2015./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh uỷ (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thái Nguyên;
- UB MTTQVN tỉnh Thái Nguyên;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh khoá XII;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực X;
- Các Sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- Ban Chỉ đạo GPMB và tái định cư tỉnh,
- Văn phòng Điều phối Chương trình XDNTM;
- Văn phòng Tỉnh uỷ, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các Phòng nghiệp vụ thuộc VP;
- Các CV Phòng Công tác HĐND;
- Báo Thái Nguyên, TTTT tỉnh (Đề đăng);
- Lưu: VT 

CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Bắc